Phụ lục

Bổ sung kinh phí sự nghiệp thực hiện dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025

(Kèm theo Quyết định số 55/QĐ-UBND, Ngày 15/ 9/2025 của Ủy ban nhân dân xã Mỏ Cày)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Cơ quan, đơn vị, địa phương	Tổng dự toán giao	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo				Dự án 4: Phát triển GDNN, việc làm bền vững								Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin								Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình							
							Tổng cộng	Tiểu DA1 (Phát triển GDNN vùng nghèo, vùng khó khăn)			Tổng cộng	Tiểu DA3 (Hỗ trợ việc làm bền vững)			Tổng cộng	Tiểu DA1 (Giảm nghèo về thông tin)			Tổng cộng	Tiểu DA2 (Truyền thông về giảm nghèo đa chiều)			Tổng cộng	Tiểu DA1 (Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình)			Tổng cộng	Tiểu DA2 (Giám sát, đánh giá)		
			Tổng cộng	NS TW (10472)	NST (20472)	NSH (30472)		NS TW (10472)	NST (20472)	NSH (30472)		NS TW (10472)	NST (20472)	NSH (30472)	Tổng cộng	NS TW (10476)	NST (20476)	NSH (30476)	Tổng cộng	NS TW (10476)	NST (20476)	NSH (30476)	Tổng cộng	NS TW (10477)	NST (20477)	NSH (30477)	Tổng cộng	NS TW (10477)	NST (20477)	NSH (30477)
	TỔNG CỘNG	**2.990,420961**	**1.035**	**900**	**90**	**45**	**879,20**	**732,68**	**97,70**	**48,82**	**508,795**	**415,457**	**62,250**	**31,088**	**90,56**	**78,75**	**7,88**	**3,93**	**47,28**	**41,10**	**4,11**	**2,07**	**377,83665**	**329,174235**	**35,574915**	**13,0875**	**51,75**	**45,00**	**4,50**	**2,25**
1	Phòng Văn hoá - xã hội (832-098)	1.435,279	-	-	-	-	879,205	732,682	97,700	48,823	508,795	415,457	62,250	31,088					47,280	41,100	4,110	2,070	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Trung tâm cung ứng dịch vụ công (821-161)	90,555													90,555	78,750	7,875	3,930												
3	Phòng Kinh tế (831-341)	429,58665					-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-					377,83665	329,174235	35,574915	13,0875	51,75	45,00	4,50	2,25
4	Phòng Kinh tế (831-281)	1.035	1.035	900	90	45	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-												